

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2020/DS-PT

Ngày: 13 - 5 - 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng
góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.
Ông Nguyễn Song Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 03 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 141/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh Văn T, sinh năm: 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1963 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Dương Thị H, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

-Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Đinh Văn T trình bày:

Ông có làm chủ 01 dây hội tiền và ông Nguyễn Văn N có tham gia hội, quá trình thực hiện cụ thể như sau:

Hội mở ngày 30/3/2017, hội 2.000.000 đồng/phần, mỗi tháng khai 01 lần, hội gồm có 21 phần, ông N tham gia 03 phần (có số thứ tự 01, 10 và 11 trong danh sách hội). Đối với phần hội ông N đứng tên số thứ tự 11 trong danh sách hội ông N đóng được 03 lần hội sống, đến lần thứ 04 thì ông N hốt hội được 29.800.000 đồng. Ông đã giao tiền cho ông N nhận đủ và ông N có làm biên nhận. Như vậy dây hội này ông N có nghĩa vụ đóng lại hội chết 17 kỳ hội là 34.000.000 đồng. Nhưng từ khi hốt hội đến nay ông N không có đóng số tiền hội nào. Hội này nay đã mãn. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N phải trả cho ông số tiền hội là 34.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Vào ngày 30/3/2017, ông có lãnh cho bà Dương Thị H tham gia 01 phần hội 2.000.000 đồng/tháng do ông T làm chủ hội, hội gồm có 21 phần, bà H tham gia 01 phần. Bà H hốt hội được 28.800.000 đồng thì bỏ trốn khỏi địa phương. Ngoài ra, bà H còn mượn ông số tiền là 15.000.000 đồng. Vì vậy ông không đồng ý trả theo yêu cầu của ông T.

Vào năm 2017 ông có góp vốn chơi hội do ông T làm chủ, ông đã hốt hội và đã đóng lại đầy đủ và ông có làm biên nhận cho ông T, hội 2.000.000 đồng/tháng/người. Ông tham gia 01 phần, đã đóng đầy đủ cách nay hơn 02 năm nên đến nay ông T mới khởi kiện là vô lý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đã được triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng bà H vẫn vắng mặt hai lần không có lý do và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng:

- Điều 471; khoản 2 Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự;
- Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.
- Điểm b khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn T.

- Buộc ông Nguyễn Văn N phải trả cho ông Đinh Văn T số tiền nợ hui là 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Đinh Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Văn N chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn N phải chịu 1.700.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Đinh Văn T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông đã nộp là 850.000 đồng theo biên lai thu số 19685 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, bị đơn ông Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng hủy án sơ thẩm vì ông không có tham gia chơi hui với ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày, tranh luận:

- Nguyên đơn: Tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông N có trách nhiệm trả tiền nợ hui chết là 34.000.000 đồng. Việc ông N cho rằng số tiền nợ hui là của bà H ông không đồng ý vì khi hốt hui, ông trực tiếp giao tiền cho ông N và ông có yêu cầu ông N viết biên nhận. Do đó, ông N phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền trên, giữa ông N và bà H thỏa thuận như thế nào thì ông không biết. Việc bà H nhận trách nhiệm trả số tiền nợ hui 34.000.000 đồng tại phiên tòa phúc thẩm ông không đồng ý vì bà H không có khả năng để trả số nợ này.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N cho rằng phần tiền nợ hui 34.000.000 đồng theo đơn khởi kiện của ông T không phải ông còn nợ, mà do bà H hốt hui nhưng ông T không tin tưởng bà H nên ông mới viết biên nhận thay bà H khi ông T giao tiền hốt hui.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị H cho rằng số tiền nợ hui mà ông T khởi kiện buộc ông N trả là dây hui mà bà tham gia 01 phần hui do ông T làm chủ, nhưng do ông T không tin tưởng và quen biết bà nên ông N viết giấy biên nhận thay cho bà. Tại phiên tòa phúc thẩm bà xin nhận khoản nợ này và có nghĩa vụ trả cho ông T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu, lời trình bày của các bên đương sự và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy nội dung kháng cáo của bị đơn đề nghị xem xét hủy án sơ thẩm vì ông không có chơi hụi và thiếu tiền nợ hụi của ông T. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông N không chứng minh về việc không nợ số tiền mà ông T khởi kiện và cho rằng số tiền nợ này là ông nhận thay cho bà H. Bà H thừa nhận ông N nhận nợ thay cho bà, bà có trách nhiệm trả cho ông T nhưng ông T không đồng ý. Do đó, ông N phải có trách nhiệm trả cho ông T số tiền nợ hụi nêu trên. Bà H thừa nhận số tiền trên thì phải có nghĩa vụ trả lại cho ông N nếu phát sinh tranh chấp, ông N có quyền khởi kiện bà H bằng một vụ kiện dân sự khác để buộc bà H trả lại số tiền trên cho ông. Việc kháng cáo của ông N không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2019/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn tiếp tục giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì ông không có chơi hụi và thiếu tiền nợ hụi của ông T như nội dung ông T khởi kiện. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Theo lời trình bày của các đương sự thì giữa ông N và ông T đã có giao dịch hợp đồng góp hụi với nhau từ nhiều năm nay, các bên đều thống nhất về thời gian tham gia chơi hụi, số phần tham gia, kỳ khai hụi theo tháng, với định mức tiền là 2.000.000 đồng/tháng, có danh sách hụi viên gồm 21 người.

- Bị đơn thừa nhận đã hốt phần hụi tham gia với số tiền 29.800.000 đồng và có làm một biên nhận tiền hốt hụi ngày 10/7/2017, hốt hụi kỳ thứ tư, còn lại 17 phần hụi sống, người hốt hụi phải đóng hụi chết 17 kỳ với số tiền $17 \times 2.000.000 \text{ đồng} = 34.000.000 \text{ đồng}$.

- Bị đơn cho rằng ông hốt phần hụi này là hốt giùm cho bà Dương Thị H nhưng do ông T không quen biết bà H nên ông phải viết biên nhận thay. Tuy nhiên, trong biên nhận tiền không thể hiện nội dung nào có liên quan đến bà Dương Thị H, giữa ông T, ông N và bà H không thể hiện ý kiến, ý chí nào đối với việc ông N viết biên nhận tiền thay tại thời điểm đó. Ông T cũng không thừa nhận, ông N cũng không chứng minh được.

- Qua lời trình bày của ông N đã mâu thuẫn với thời gian hốt hụi, vì ông N và bà H không thể hốt cùng một tháng khi hụi tháng chỉ khai một kỳ.

- Ông N cho rằng phần hui của ông đã hết rồi, lần viết biên nhận ngày 10/7/2017 là bà H hết hui nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H thừa nhận số tiền ông N viết biên nhận là phần hui của bà hết nhưng ông N là người nhận tiền, bà yêu cầu Hội đồng xét xử cho bà thanh toán số tiền nợ hui này cho ông T, nhưng ông T không đồng ý.

- Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, do ông N hết hui, nhận tiền, làm biên nhận tiền cho ông T và chưa thực hiện xong nghĩa vụ với ông T. Do đó, cần phải xem xét buộc ông N có nghĩa vụ trả số tiền nợ hui chết chưa đóng cho ông T là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với việc bà H thừa nhận số tiền nợ hui này ông N hết và đưa cho bà thì bà phải có nghĩa vụ trả lại cho ông N số tiền mà ông N phải thực hiện nghĩa vụ đối với ông T.

- Nếu giữa ông N và bà H không thỏa thuận được việc giải quyết số tiền nợ hui mà bà H đã thừa nhận thì ông N có quyền khởi kiện bà H bằng một vụ kiện dân sự khác để buộc bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông.

[3] Từ những ý kiến của các bên đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy nội dung kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn N không có cơ sở để chấp nhận, do đó cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2019/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn N không được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 471; khoản 2 Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2019/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn T.

- Buộc ông Nguyễn Văn N phải trả cho ông Đinh Văn T số tiền nợ hụi là 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Đinh Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Văn N chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn N phải chịu 1.700.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Đinh Văn T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông đã nộp là 850.000 đồng theo biên lai thu số 19685 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20072 ngày 29/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự; Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2020.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp